



第十五屆全國運動會群眾賽事活動
乒乓球項目香港特區運動員代表甄選賽
男子25-39歲組 - 賽程表
地點：彩虹道體育館



1/8

1	呂定龍	呂定龍			
X	-		MA-38 / 10-May / 12:00 / T0		
X	-	黃冠綸			
4	黃冠綸			MA-102 / 10-May / 14:00 / T0	
5	甄煥雄				
	MA-1 / 10-May / 11:00 / T0				
6	盧光正				
			MA-39 / 10-May / 12:00 / T0		
X	-	陳星羽			
8	陳星羽				MA-Q-1
				MA-134 / 10-May / 16:00 / T0	
9	朱汶皓	朱汶皓			
X	-		MA-40 / 10-May / 12:00 / T0		
11	汪世恒				
	MA-2 / 10-May / 11:00 / T0				
12	冯圣凯				
				MA-103 / 10-May / 14:00 / T0	
13	鄭奕進	鄭奕進			
X	-				
			MA-41 / 10-May / 12:00 / T0		
X	-	黃思浩			
16	黃思浩				
17	劉思勤	劉思勤			
X	-		MA-42 / 10-May / 12:00 / T0		
X	-	曾偉麟			
20	曾偉麟			MA-104 / 10-May / 14:00 / T0	
21	黃永安(0192)				
	MA-3 / 10-May / 11:00 / T0				
22	楊振洛				
			MA-43 / 10-May / 12:00 / T0		
X	-	馬家偉			
24	馬家偉				MA-Q-2
				MA-135 / 10-May / 16:00 / T0	
25	謝寶賢	謝寶賢			
X	-				
			MA-44 / 10-May / 12:00 / T0		
27	施灝軒				
	MA-4 / 10-May / 11:00 / T0				
28	楊衍駿				
				MA-105 / 10-May / 14:00 / T0	
29	譚璟豐	譚璟豐			
X	-				
			MA-45 / 10-May / 12:00 / T0		
X	-	郭晉傑			
32	郭晉傑				



第十五屆全國運動會群眾賽事活動
乒乓球項目香港特區運動員代表甄選賽
男子25-39歲組 - 賽程表
地點：彩虹道體育館



2/8

33	陳帕劬	陳帕劬			
X	-	MA-46 / 10-May / 12:00 / T0			
X	-	林俊傑			
36	林俊傑		MA-106 / 10-May / 14:30 / T0		
37	林駿豪				
	MA-5 / 10-May / 11:00 / T0				
38	卓俊華	MA-47 / 10-May / 12:30 / T0			
X	-	王晟禧			
40	王晟禧			MA-136 / 10-May / 16:00 / T0	MA-Q-3
41	林伊航	林伊航			
X	-	MA-48 / 10-May / 12:30 / T0			
43	呂成亨				
	MA-6 / 10-May / 11:00 / T0				
44	廖嘉祥		MA-107 / 10-May / 14:30 / T0		
45	黃漢峯				
	MA-7 / 10-May / 11:00 / T0				
46	蔡智康	MA-49 / 10-May / 12:30 / T0			
X	-	翁偉添			
48	翁偉添				
49	陳嘉駒	陳嘉駒			
X	-	MA-50 / 10-May / 12:30 / T0			
X	-	馮漢彬			
52	馮漢彬		MA-108 / 10-May / 14:30 / T0		
53	陳俊勤				
	MA-8 / 10-May / 11:00 / T0				
54	徐偉洛	MA-51 / 10-May / 12:30 / T0			
X	-	符永旺			
56	符永旺			MA-137 / 10-May / 16:00 / T0	MA-Q-4
57	吳卓軒	吳卓軒			
X	-	MA-52 / 10-May / 12:30 / T0			
59	黃晟				
	MA-9 / 10-May / 11:00 / T0				
60	陳家麟		MA-109 / 10-May / 14:30 / T0		
61	葉澄生	葉澄生			
X	-	MA-53 / 10-May / 12:30 / T0			
X	-	梁鎮源			
64	梁鎮源				



第十五屆全國運動會群眾賽事活動
乒乓球項目香港特區運動員代表甄選賽
男子25-39歲組 - 賽程表
地點：彩虹道體育館



3/8

65	郭世榮	郭世榮			
X	-		MA-54 / 10-May / 12:30 / T0		
X	-	李浩然			
68	李浩然			MA-110 / 10-May / 15:00 / T0	
69	周君豪				
	MA-10 / 10-May / 11:30 / T0				
70	姚梓駿		MA-55 / 10-May / 12:30 / T0		
X	-	鄧梓軒			
72	鄧梓軒				MA-Q-5
				MA-138 / 10-May / 16:00 / T0	
73	陈寅华	陈寅华			
X	-		MA-56 / 10-May / 13:00 / T0		
75	陳勇龍				
	MA-11 / 10-May / 11:30 / T0				
76	蔡梓揚			MA-111 / 10-May / 15:00 / T0	
77	林正康	林正康			
X	-		MA-57 / 10-May / 13:00 / T0		
X	-	黎俊生			
80	黎俊生				
81	劉家傑	劉家傑			
X	-		MA-58 / 10-May / 13:00 / T0		
83	伍俊業				
	MA-12 / 10-May / 11:30 / T0				
84	李運新			MA-112 / 10-May / 15:00 / T0	
85	梁雋朗				
	MA-13 / 10-May / 11:30 / T0				
86	羅仲汝		MA-59 / 10-May / 13:00 / T0		
X	-	王浩賢			
88	王浩賢				MA-Q-6
				MA-139 / 10-May / 16:00 / T0	
89	吳哲鋒	吳哲鋒			
X	-		MA-60 / 10-May / 13:00 / T0		
91	梁倬寧				
	MA-14 / 10-May / 11:30 / T0				
92	蘇韋樑			MA-113 / 10-May / 15:00 / T0	
93	歐譚林	歐譚林			
X	-		MA-61 / 10-May / 13:00 / T0		
X	-	符杰禧			
96	符杰禧				



第十五屆全國運動會群眾賽事活動
乒乓球項目香港特區運動員代表甄選賽
男子25-39歲組 - 賽程表
地點：彩虹道體育館



4/8

97	徐鎮威	徐鎮威			
X	-				
		MA-62 / 10-May / 13:00 / T0			
X	-				
		梁矜滔			
100	梁矜滔				
			MA-114 / 10-May / 15:00 / T0		
101	宋民浩				
	MA-15 / 10-May / 11:30 / T0				
102	關嘉聲				
		MA-63 / 10-May / 13:00 / T0			
X	-				
		李可豐			
104	李可豐				MA-Q-7
			MA-140 / 10-May / 16:00 / T0		
105	何杭熹	何杭熹			
X	-				
		MA-64 / 10-May / 13:00 / T0			
107	蔡高豪				
	MA-16 / 10-May / 11:30 / T0				
108	饒靜海				
			MA-115 / 10-May / 15:00 / T0		
109	何嘉謙	何嘉謙			
X	-				
		MA-65 / 10-May / 13:30 / T0			
X	-				
		潘澤興			
112	潘澤興				
113	呂衍麒	呂衍麒			
X	-				
		MA-66 / 10-May / 13:30 / T0			
X	-				
		陳靖朗			
116	陳靖朗				
			MA-116 / 10-May / 15:00 / T0		
117	岑添達				
	MA-17 / 10-May / 11:30 / T0				
118	許嘉銘				
		MA-67 / 10-May / 13:30 / T0			
X	-				
		徐偉榮			
120	徐偉榮				MA-Q-8
			MA-141 / 10-May / 16:00 / T0		
121	張柏然	張柏然			
X	-				
		MA-68 / 10-May / 13:30 / T0			
123	葉德倫				
	MA-18 / 10-May / 11:30 / T0				
124	李震庭				
			MA-117 / 10-May / 15:00 / T0		
125	楊臻桓	楊臻桓			
X	-				
		MA-69 / 10-May / 13:30 / T0			
X	-				
		梁嘉晉			
128	梁嘉晉				



第十五屆全國運動會群眾賽事活動
乒乓球項目香港特區運動員代表甄選賽
男子25-39歲組 - 賽程表
地點：彩虹道體育館



5/8

129	余俊賢	余俊賢			
X	-		MA-70 / 11-May / 11:00 / T0		
X	-	梁浩晴			
132	梁浩晴		MA-118 / 11-May / 13:00 / T0		
133	梁雲傑				
	MA-19 / 11-May / 10:00 / T0				
134	鄭偉杰		MA-71 / 11-May / 11:00 / T0		
X	-	羅偉鈞			
136	羅偉鈞			MA-142 / 11-May / 14:30 / T0	MA-Q-9
137	伍洛民	伍洛民			
X	-		MA-72 / 11-May / 11:00 / T0		
139	楊嘉晞				
	MA-20 / 11-May / 10:00 / T0				
140	曾苡		MA-119 / 11-May / 13:00 / T0		
141	楊秉熹	楊秉熹			
X	-		MA-73 / 11-May / 11:00 / T0		
X	-	陳煥章			
144	陳煥章				
145	陳松濠	陳松濠			
X	-		MA-74 / 11-May / 11:00 / T0		
147	黃栢恒				
	MA-21 / 11-May / 10:00 / T0				
148	林可銘		MA-120 / 11-May / 13:00 / T0		
149	楊秉和				
	MA-22 / 11-May / 10:00 / T0				
150	鄧柱華		MA-75 / 11-May / 11:00 / T0		
X	-	鄭志坤			
152	鄭志坤			MA-143 / 11-May / 14:30 / T0	MA-Q-10
153	胡景祺	胡景祺			
X	-		MA-76 / 11-May / 11:00 / T0		
155	郭嘉成				
	MA-23 / 11-May / 10:00 / T0				
156	林嘉豪		MA-121 / 11-May / 13:00 / T0		
157	李熊煒	李熊煒			
X	-		MA-77 / 11-May / 11:00 / T0		
X	-	許冠生			
160	許冠生				



第十五屆全國運動會群眾賽事活動
乒乓球項目香港特區運動員代表甄選賽
男子25-39歲組 - 賽程表
地點：彩虹道體育館



6/8

161	彭子深	彭子深			
X	-		MA-78 / 11-May / 11:30 / T0		
X	-	張國豐			
164	張國豐			MA-122 / 11-May / 13:30 / T0	
165	张志毅				
	MA-24 / 11-May / 10:00 / T0				
166	蔡德成		MA-79 / 11-May / 11:30 / T0		
X	-	湯文浩			
168	湯文浩				MA-Q-11
				MA-144 / 11-May / 14:30 / T0	
169	韓志杰	韓志杰			
X	-		MA-80 / 11-May / 11:30 / T0		
171	黃啟僖				
	MA-25 / 11-May / 10:00 / T0				
172	黃俊			MA-123 / 11-May / 13:30 / T0	
173	何志成				
	MA-26 / 11-May / 10:00 / T0				
174	沈傑		MA-81 / 11-May / 11:30 / T0		
X	-	蕭穎霖			
176	蕭穎霖				
177	鍾偉軒	鍾偉軒			
X	-		MA-82 / 11-May / 11:30 / T0		
X	-	丘浩賢			
180	丘浩賢			MA-124 / 11-May / 13:30 / T0	
181	羅奕文				
	MA-27 / 11-May / 10:00 / T0				
182	秦榮徽		MA-83 / 11-May / 11:30 / T0		
X	-	游蔡安			
184	游蔡安				MA-Q-12
				MA-145 / 11-May / 14:30 / T0	
185	吳浩賢	吳浩賢			
X	-		MA-84 / 11-May / 11:30 / T0		
187	陳君濠				
	MA-28 / 11-May / 10:30 / T0				
188	李俊杰			MA-125 / 11-May / 13:30 / T0	
189	葉浚銘	葉浚銘			
X	-		MA-85 / 11-May / 11:30 / T0		
X	-	賀方正			
192	賀方正				



第十五屆全國運動會群眾賽事活動
乒乓球項目香港特區運動員代表甄選賽
男子25-39歲組 - 賽程表
地點：彩虹道體育館



7/8

193	戴駿傑	戴駿傑			
X	-		MA-86 / 11-May / 11:30 / T0		
X	-	林敬然			
196	林敬然			MA-126 / 11-May / 14:00 / T0	
197	楊景豪				
	MA-29 / 11-May / 10:30 / T0				
198	麥泓傑		MA-87 / 11-May / 12:00 / T0		
X	-	葉浩麟			
200	葉浩麟				MA-Q-13
				MA-146 / 11-May / 15:00 / T0	
201	梁肇驥	梁肇驥			
X	-		MA-88 / 11-May / 12:00 / T0		
203	洪啟賢				
	MA-30 / 11-May / 10:30 / T0				
204	宋知義			MA-127 / 11-May / 14:00 / T0	
205	梁志龍	梁志龍			
X	-		MA-89 / 11-May / 12:00 / T0		
X	-	沈澤軒			
208	沈澤軒				
209	劉晉杰	劉晉杰			
X	-		MA-90 / 11-May / 12:00 / T0		
211	梁子賢				
	MA-31 / 11-May / 10:30 / T0				
212	陳錦培			MA-128 / 11-May / 14:00 / T0	
213	張子奇				
	MA-32 / 11-May / 10:30 / T0				
214	劉初喜		MA-91 / 11-May / 12:00 / T0		
X	-	梁仲寧			
216	梁仲寧				MA-Q-14
				MA-147 / 11-May / 15:00 / T0	
217	鄧嘉明	鄧嘉明			
X	-		MA-92 / 11-May / 12:00 / T0		
219	胡淵流				
	MA-33 / 11-May / 10:30 / T0				
220	张轩伟			MA-129 / 11-May / 14:00 / T0	
221	林亮君	林亮君			
X	-		MA-93 / 11-May / 12:00 / T0		
X	-	周樹勳			
224	周樹勳				



第十五屆全國運動會群眾賽事活動
乒乓球項目香港特區運動員代表甄選賽
男子25-39歲組 - 賽程表
地點：彩虹道體育館



8/8

225	王祚潤	王祚潤			
X	-		MA-94 / 11-May / 12:00 / T0		
X	-	廖子文			
228	廖子文		MA-130 / 11-May / 14:00 / T0		
229	周希彥				
	MA-34 / 11-May / 10:30 / T0				
230	方健豪		MA-95 / 11-May / 12:00 / T0		
X	-	蔡梓軒			
232	蔡梓軒			MA-148 / 11-May / 15:00 / T0	MA-Q-15
233	伍富橋	伍富橋			
X	-		MA-96 / 11-May / 12:30 / T0		
235	梁東發				
	MA-35 / 11-May / 10:30 / T0				
236	陸柏亨		MA-131 / 11-May / 14:00 / T0		
237	吳緯熙	吳緯熙			
X	-		MA-97 / 11-May / 12:30 / T0		
X	-	張志豪			
240	張志豪				
241	陳尊健	陳尊健			
X	-		MA-98 / 11-May / 12:30 / T0		
X	-	文國麟			
244	文國麟		MA-132 / 11-May / 14:00 / T0		
245	謝學謙				
	MA-36 / 11-May / 10:30 / T0				
246	彭海健		MA-99 / 11-May / 12:30 / T0		
X	-	冼諾賢			
248	冼諾賢			MA-149 / 11-May / 15:00 / T0	MA-Q-16
249	黃子杰	黃子杰			
X	-		MA-100 / 11-May / 12:30 / T0		
251	郭尚文				
	MA-37 / 11-May / 11:00 / T0				
252	李文豪		MA-133 / 11-May / 14:00 / T0		
253	陳建峯	陳建峯			
X	-		MA-101 / 11-May / 12:30 / T0		
X	-	陳韋曦			
256	陳韋曦				

[illegible]